

Năng lực cạnh tranh của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế

PGS.TS Đinh Văn Sơn*

Trong thời đại ngày nay, quốc tế hóa và toàn cầu hóa đã trở thành một xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển kinh tế thế giới. Để tiếp thu những kinh nghiệm quản lý, thành tựu khoa học kỹ thuật của các quốc gia phát triển và không bị gạt ra ngoài lề của sự phát triển đó, các quốc gia đang phát triển như Việt Nam đều phải nỗ lực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là một hướng đi đúng và có ý nghĩa quan trọng, làm tiền đề cho việc tạo dựng vị thế của nước ta trên trường quốc tế, đồng thời mang lại nhiều cơ hội để phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế. Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế cũng đặt các ngành kinh tế Việt Nam trước những thách thức lớn. Vì vậy, để có thể chiến thắng trong cuộc cạnh tranh đầy cam go này, các ngành kinh tế của Việt Nam nói chung, ngành ngân hàng nói riêng cần phải đánh giá đúng thực trạng hoạt động của mình - những mặt đã đạt được cũng như những tồn tại, khiếm khuyết để tìm ra giải pháp hoàn thiện và phát triển.

Trong khuôn khổ nội dung bài báo này, tác giả sẽ phân tích và đánh giá khách quan những yếu kém, hạn chế trong hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam những năm gần đây; luận giải những cơ hội và thách thức và đề xuất một số giải pháp đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các NHTM Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Thực trạng hoạt động của NHTM Việt Nam trong những năm qua

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong những năm qua nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh đó, ngành ngân hàng từ hệ thống ngân hàng một cấp chuyển sang hệ thống ngân hàng hai cấp: Ngân hàng nhà nước (NHNN) – thực hiện

chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, tín dụng, thanh toán; NHTM thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ. Theo thời gian, các NHTM cũng phát triển ngày càng đa dạng. Từ chỗ ban đầu chỉ có các NHTM quốc doanh (nay gọi là NHTM Nhà nước), đến nay hệ thống NHTM ở Việt Nam bao gồm: các NHTM Nhà nước, các NHTM cổ phần, các ngân hàng liên doanh (NHLD) với nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CNNHNN). Không chỉ đơn thuần phát triển về số lượng, gần đây các NHTM ở nước ta đã tiếp cận khá nhanh với các hình thức kinh doanh hiện đại, từng bước củng cố và chấn chỉnh hệ thống. Một số NHTM đã tiếp cận được các tiêu chuẩn quốc tế, uy tín trên thị trường quốc tế tiếp tục được nâng cao. Điển hình là Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được nhận giải thưởng: Ngân hàng tốt nhất Việt Nam trong

những năm liền do tạp chí The Banker của tập đoàn FT Vương quốc Anh trao tặng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, hệ thống NHTM Việt Nam vẫn còn không ít yếu kém và bất cập.

Thứ nhất, vốn tự có của các NHTM Việt Nam còn quá thấp so với các NHTM nước ngoài.

Vốn tự có là điều kiện bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, là cơ sở để tạo lập uy tín đối với khách hàng, đảm bảo năng lực cạnh tranh và vị thế của NHTM trên thị trường. Theo tiêu chuẩn của Ủy ban giám sát Balse thì tỷ lệ giữa tổng vốn chủ sở hữu và tổng tài sản có rủi ro tối thiểu phải là 8% (tỷ lệ này của các NHTM Việt Nam hiện nay bình quân là 3,57%). Cho đến nay mặc dù đã được củng cố theo chương trình tái cơ cấu, nhưng quy mô vốn tự có của

* Đại học Thương mại

các NHTM Việt Nam vẫn còn quá nhỏ bé và rất thấp so với tiêu chuẩn quốc tế cũng như so với một số các NHTM trên thế giới. Vốn tự có thấp đã làm hạn chế khả năng thanh toán và mở rộng quy mô tín dụng của các ngân hàng (Xem

khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ. Một số dịch vụ ngân hàng hiện đại như Home banking, Phone banking, Internetbank... tuy đã được triển khai nhưng mới chỉ ở giai đoạn thử nghiệm và mới chỉ cung cấp cho một số ít đối tượng khách hàng.

Thứ tư, công nghệ ngân hàng lạc hậu, văn minh ngân hàng còn ở trình độ một nền kinh tế tiền mặt. Chi phí nghiệp vụ của phần lớn các NHTM Việt Nam cao, khả năng sinh lời thấp so với các ngân hàng trong khu vực. Hệ

Bảng 1: Quy mô vốn tự có của một số NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: tỉ đồng

Ngân hàng	2006	2007	2008
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	4,700	4,929	12,101
Ngân hàng NN&PTNT	6,753	10,543	10,924
Ngân hàng Đầu tư và phát triển	4,200	7,699	8,755
Ngân hàng Công thương	5,200	8,067	9,325
Bình quân vốn tự có của NHTM Nhà nước	5,213	7,810	10,276

Nguồn: báo cáo thường niên của các NHTM năm 2006, 2007, 2008

và so sánh số liệu ở bảng 1 và bảng 2).

Thứ hai, dịch vụ ngân hàng còn đơn điệu, chưa tiện lợi, chưa hấp dẫn và chủ yếu vẫn là các nghiệp vụ truyền thống. Cho đến nay, hoạt động nhận tiền gửi và cho vay vẫn

Thứ ba, trình độ quản trị kinh doanh ngân hàng còn hạn chế. Hoạt động đồng tài trợ của các NHTM đối với những dự án lớn để phân tán rủi ro chưa được khai thác sử dụng hợp lý. Khả năng chi trả của các ngân hàng nhìn chung

thống thông tin ngân hàng còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ. Do khả năng tiếp cận thông tin của các ngân hàng không đầy đủ và kịp thời nên công tác thẩm định dự án, đánh giá và dự báo nhu cầu khách hàng kém hiệu quả. Tiến trình hiện

Bảng 2: Quy mô vốn tự có của một số NHTM trên thế giới

Đơn vị tính: triệu USD

Ngân hàng	Quốc gia	Tài khóa	Vốn tự có
HSBC	ANH	2005	30,809
BANK OF TOKYO	NHẬT	2005	24,678
CHASE MANHATA BANK	MỸ	2005	21,742
NATION BANK	MỸ	2005	21,337
CITY BANK	ĐỨC	2005	21,196
DEWSCHKE BANK	ĐỨC	2005	117,706
CREDIT SUISSE	THỤY SĨ	2005	16,860
BANK OF CHINA	TRUNG QUỐC	2005	1,974
ANZ	AUSTRALIA	2005	5,034

Nguồn: Banker Almanac 2006

là lĩnh vực kinh doanh chủ yếu, mang lại trên 90% thu nhập của các NHTM Việt Nam. Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ

thấp, nợ quá hạn và nhất là nợ xấu của các ngân hàng vẫn ở mức cao (xem số liệu bảng 3).

đại hóa công nghệ ngân hàng diễn ra chậm chạp, thiếu sự liên kết giữa các NHTM nên

Bảng 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của các NHTM Việt Nam - Năm 2008

Đơn vị tính :%

Tính chung toàn hệ thống	NHTM Nhà nước	NHTM Cổ phần	NHTM Liên doanh và nước ngoài
3,5	4,59	2,44	1,45

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

hiệu quả khai thác thấp.

Thứ năm, chiến lược cạnh tranh và hội nhập của từng ngân hàng còn hạn chế. Trong những năm qua, một số NHTM nước ta đã xây dựng được chiến lược kinh doanh tốt và đang dần trở thành những tập đoàn tài chính có uy tín tại Việt Nam. Một số ngân hàng đã xác định được chiến lược kinh doanh mũi nhọn như: NHTMCP Đông Á đứng đầu về dịch vụ kiều hối, NHTMCP Phương Nam đứng đầu danh sách mua lại các NHTMCP yếu kém... Tuy nhiên, các chiến lược kinh doanh thường mới chỉ bó hẹp trong khuôn khổ thị trường trong nước mà chưa vươn ra thị trường quốc tế.

Những cơ hội và thách thức đối với các NHTM Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế

Những cơ hội

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, nền kinh tế Việt Nam có rất nhiều cơ hội như mở rộng thị trường, thừa hưởng những kinh nghiệm quản lý, những thành tựu khoa học của các nền kinh tế phát triển, tăng khả năng thu hút vốn đầu tư,... trên cơ sở đó từng bước nâng

cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đối với các NHTM Việt nam, các cơ hội đó bao gồm:

Thứ nhất, hội nhập kinh tế quốc tế tạo động lực quan trọng đối với công cuộc đổi mới và cải cách hệ thống ngân hàng Việt Nam một cách toàn diện, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, đáp ứng yêu cầu hội nhập và thực hiện các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế. Thực tế thời gian qua cho thấy, từ khi Việt Nam chính thức từng bước hội nhập kinh tế quốc tế, không chỉ có ngành ngân hàng, mà tất cả các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực bởi áp lực của hội nhập.

Thứ hai, hội nhập quốc tế mở ra cơ hội trao đổi và hợp tác quốc tế giữa các NHTM Việt Nam với các NHTM trong khu vực và trên thế giới, nhất là các NHTM có uy tín và kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Thông qua các quan hệ hợp tác này sẽ giúp các NHTM Việt Nam có cơ hội và điều kiện tranh thủ vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý kinh doanh, đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị ngân

hàng, từng bước khắc phục hạn chế, phát huy tối đa các lợi thế của mình để theo kịp yêu cầu cạnh tranh quốc tế và mở rộng, phát triển hoạt động ra thị trường ra nước ngoài.

Thứ ba, hội nhập quốc tế giúp các NHTM Việt Nam học hỏi kinh nghiệm từ các NHTM nước ngoài trong việc đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhất là các sản phẩm dịch vụ đặc trưng của các ngân hàng hiện đại; từng bước tiếp cận và chuyên môn hoá, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao trong các quy trình và tác nghiệp nghiệp vụ ngân hàng.

Thứ tư, hội nhập kinh tế cho phép Việt Nam mở rộng các quan hệ hợp tác kinh tế đa phương và song phương với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Một trong những lĩnh vực hợp tác quan trọng đó là lĩnh vực tài chính và tất nhiên trong đó có ngành ngân hàng. Hội nhập quốc tế càng sâu rộng, càng phát triển thì sự giao lưu, hợp tác trong hoạt động ngân hàng càng phát triển. Đây cũng chính là cơ hội, điều kiện giúp các NHTM Việt Nam từng bước mở rộng quy mô hoạt động, phát triển thị trường.

Những thách thức

Trong hội nhập quốc tế, bên cạnh những cơ hội chúng ta không thể không kể đến những thách thức mà các NHTM Việt Nam phải đương đầu. Đó là:

Thứ nhất, hội nhập kinh tế quốc tế trước hết và tất yếu tạo ra cạnh tranh ngay trên thị trường Việt Nam giữa các NHTM Việt Nam với các NHTM nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Đó là những đối thủ có ưu thế vượt trội về tiềm lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm quản lý kinh doanh. Theo số liệu thống kê cho thấy, yếu điểm nổi bật của các NHTM Việt Nam là tiềm lực tài chính yếu kém, ngay cả đối với các NHTM Nhà nước cũng vậy. Đây là thách thức đầu tiên liên quan tới việc duy trì sự ổn định và gia tăng thị phần cũng như năng lực cạnh tranh của các NHTM Việt Nam. Ngoài ra, việc phải loại bỏ dần những hạn chế đối với NHTM nước ngoài cũng có nghĩa là các NHTM nước ngoài sẽ từng bước tham gia đầy đủ vào mọi lĩnh vực hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Điều này không thể không ảnh hưởng tới chiến lược phát triển của các NHTM Việt Nam trong những năm tới.

Thứ hai, hội nhập kinh tế quốc tế dẫn tới cạnh tranh trong việc thu hút và sử dụng nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao ngày càng gay gắt. Mọi sự thành công của một doanh

nh nghiệp đều xuất phát từ yếu tố con người. Hiện nay, trên thực tế có sự chênh lệch không nhỏ về thu nhập của người lao động nhất là những người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác trong các NHTM Việt Nam so với các NHTM nước ngoài. Điều này đã dẫn tới hệ quả tất yếu là hiện tượng chảy máu chất xám trong những năm qua đã và đang là thách thức đáng quan tâm đối với các NHTM Việt Nam.

Thứ ba, cùng với quá trình hội nhập quốc tế, không những các NHTM cạnh tranh với nhau mà còn chịu áp lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính trung gian khác như: Thị trường chứng khoán, các tổ chức bảo hiểm (*bao gồm cả các tổ chức bảo hiểm của nước ngoài*),... Cùng với sự hoàn thiện và phát triển của các tổ chức tài chính này cũng đồng nghĩa với việc gia tăng áp lực cạnh tranh cho các NHTM Việt Nam cả trong trước mắt cũng như lâu dài.

Một số giải pháp

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng vận động tất yếu của nền kinh tế thế giới. Xu thế đó đã và đang hiện diện trong nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội ở hầu hết các quốc gia. Tuy nhiên để nâng cao hiệu quả của hội nhập quốc tế, tùy theo điều kiện mỗi quốc gia mà cần có những quan điểm, chủ trương, lộ trình và giải pháp thích hợp. Những năm gần đây, mặc dù công cuộc cải cách ở nước ta

đã có nhiều tiến bộ được quốc tế thừa nhận, song vị trí xếp hạng của Việt Nam về năng lực cạnh tranh quốc gia ít được cải thiện. Theo đánh giá của diễn đàn kinh tế Thế giới trên cơ sở 8 nhóm tiêu chí với 155 chỉ tiêu, trong năm 2007 năng lực cạnh tranh của Việt Nam xếp thứ 65 trên tổng 80 nước. Vì vậy, để giành thế chủ động trong tiến trình hội nhập, các ngành kinh tế Việt Nam cần phải nỗ lực vượt bậc, tận dụng tối đa những lợi thế sẵn có và các cơ hội mà hội nhập mang lại để nâng cao khả năng cạnh tranh không chỉ ở thị trường trong nước mà cả trên thị trường quốc tế. Để có thể từng bước nâng cao sức cạnh tranh của hệ thống NHTM Việt Nam cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế và hệ thống NHTM Việt Nam.

Chính sách kinh tế năm 2009 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, đó là: chưa tận dụng được cơ hội và tạo đòn bẩy để bước đầu chuyển đổi và tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tích cực. Năm 2010, nhu cầu vốn hoạt động của các NHTM Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục căng thẳng. Trong khi chính sách tiền tệ có xu hướng thắt chặt và các doanh nghiệp vẫn còn nhu cầu vay vốn, khiến cho lãi suất tăng cao trở lại và khiến cho thanh khoản của các ngân hàng sẽ

không còn dồi dào như trước.

Quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, cũng như các NHTM Việt Nam trong thời gian tới cần bảo đảm thúc đẩy sự phát triển dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, hình thành nền kinh tế với cơ cấu hai tầng, với tầng trên là các doanh nghiệp và tổ hợp doanh nghiệp lớn, hiện đại, đa sở hữu, kinh doanh đa ngành, hoạt động xuyên quốc gia và tầng dưới là mạng lưới các doanh nghiệp nhỏ và vừa liên kết chặt chẽ với nhau và với tầng trên; hình thành các sản phẩm chủ lực, quy mô lớn, có hiệu quả và phát huy lợi thế so sánh chung của đất nước, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng cả thị trường trong nước và nước ngoài.

Đối với hệ thống NHTM, tiếp tục tái cơ cấu theo các đề án đã được Chính phủ phê duyệt và phù hợp với các cam kết với các tổ chức tài chính quốc tế. Đối với các NHTM Nhà nước, cần tập trung xử lý dứt điểm nợ tồn đọng, tiếp tục thực hiện tiến độ cấp bổ sung thêm vốn điều lệ để đạt được tỷ lệ an toàn tối thiểu 8% nhằm lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao khả năng cạnh tranh và phòng chống rủi ro. Đối với các NHTM cổ phần, tiếp tục giám sát chặt chẽ hoạt động của một số ngân hàng yếu kém. Nếu các ngân hàng này không khắc phục được những tồn tại cần xử lý theo hướng thu hồi giấy phép

hoạt động. Khuyến khích các NHTM cổ phần có quy mô nhỏ sáp nhập, hoặc huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu để trở thành những ngân hàng có quy mô lớn hơn, có sức cạnh tranh cao và hoạt động hiệu quả hơn.

Thứ hai, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý kinh tế nói chung và quản lý hoạt động ngân hàng nói riêng. Rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, những nội dung do thực tế sự thay đổi của nền kinh tế đòi hỏi, xóa bỏ những nội dung trùng lặp hoặc mâu thuẫn giữa các văn bản. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế dẫn tới các giao dịch thương mại cũng như các nhu cầu xã hội có nhiều sự thay đổi về quy mô, tính chất... nên các quy định mang tính chất pháp lý của từng NHTM cũng phải có sự thay đổi tương ứng về quy trình, thủ tục, điều kiện,...

Thứ ba, đổi mới mô hình tổ chức bộ máy của các NHTM, trước hết là NHTM Nhà nước. Một nội dung quan trọng trong đề án tái cơ cấu là đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng NHTM hiện đại. Về phương diện quản lý, đối với NHTM Nhà nước cần theo hướng như doanh nghiệp hạng đặc biệt theo hướng mô hình tập đoàn. Tiếp tục từng bước đổi mới cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, chức năng của hệ thống NHNN nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả điều hành vĩ mô

của NHNN, nhất là việc thiết lập, điều hành chính sách tiền tệ quốc gia và trong việc quản lý, giám sát hoạt động của các trung gian tài chính. Trước hết, thực hiện tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng theo các đề án đã được chính phủ phê duyệt và phù hợp với các cam kết với các tổ chức tài chính quốc tế, nhằm tạo ra các ngân hàng có quy mô lớn, hoạt động an toàn, hiệu quả và có đủ sức cạnh tranh. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách của công cuộc đổi mới hệ thống ngân hàng - tài chính Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, bởi vì NHTM Nhà nước luôn đóng vai trò chủ đạo và chủ lực trong hệ thống NHTM.

Thứ tư, Tăng quy mô về vốn cho các NHTM thông qua tích tụ và tập trung vốn cần theo các hướng:

- Cần nghiên cứu và xem xét tiến hành sáp nhập các NHTM Nhà nước để trở thành một ngân hàng có đủ tiềm lực về tài chính để có thể cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay, các NHTM Nhà nước ở VN đều có vốn sở hữu của Nhà nước. Chính việc chia nhỏ, dàn mỏng nguồn vốn của Nhà nước thành nhiều ngân hàng như hiện nay đã làm cho quy mô vốn quá nhỏ dẫn tới hoạt động không hiệu quả bởi chi phí cho công tác quản lý, điều hành quá cao. Sáp nhập sẽ tạo nên những ngân hàng mới có quy mô vốn lớn, có sức cạnh tranh cao, đồng thời giảm được

chi phí quản lý, điều hành và hơn hết là tạo nên phương thức quản lý mới, là cơ hội để sử dụng vốn có hiệu quả hơn.

- Tiếp tục tiến hành cổ phần hoá các NHTM nhằm tận dụng các nguồn lực tài chính trong dân chúng trong nước và nước ngoài. Trên cơ sở đó thay đổi mô hình quản lý từ đó tạo sắc thái mới trong hoạt động kinh doanh.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, nhất là hệ thống thông tin quản lý cho toàn hệ thống NHTM phục vụ công tác quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động ngân hàng như: quản lý vốn tài sản, quản lý rủi ro, quản lý công nợ, công tác kế toán, hệ thống thanh toán liên ngân hàng, hệ thống giao dịch điện tử và giám sát từ xa, vv.. nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các chương trình và thể chế hợp tác giám sát, trao đổi thông tin với các khối liên kết kinh tế khu vực và thế giới. Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính quốc tế như: WB, IMF, ADB... Phát triển mối quan hệ hợp tác song phương trong khuôn khổ các Nghị định thư và các Hiệp định hợp tác liên Chính phủ, trong đó đáng chú ý là việc triển khai thực hiện Hiệp định thương mại Việt Mỹ. Chú trọng công tác hội nhập quốc tế và khu vực trong các tổ chức kinh tế đa phương như ASEAN, APEC, WTO.

Thứ bảy, đẩy mạnh phòng chống tham nhũng và nâng cao phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ trong ngành ngân hàng nói chung và các NHTM Nhà nước nói riêng.

Theo tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) đã công bố bảng xếp hạng chống tham nhũng năm 2009 trên thế giới, Việt Nam năm 2009 được 2,7 điểm, đứng thứ 120 (trong tổng số 180 nước), tăng một bậc so với năm 2008 và tăng ba bậc so với năm 2007. Với kết quả này đã cho thấy nạn tham nhũng ở Việt Nam vẫn được coi là quốc nạn. Mặc dầu có sự cải thiện nhỏ trong bảng xếp hạng của TI, song có thể nói công tác chống tham nhũng ở Việt Nam trên thực tế vẫn còn nhiều việc phải làm, nhất là đấu tranh với các hành vi tham nhũng trong công tác quản lý khu vực kinh tế Nhà nước nói chung và hệ thống các NHTM Nhà nước nói riêng. Đồng thời, cần tăng cường quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, thực hiện nghiêm túc công tác thi tuyển, tuyển dụng và quản lý cán bộ, chế độ trách nhiệm gắn với quyền lợi, có cơ chế thu nhập thỏa đáng đối với cán bộ quản lý, nhân viên ngân hàng trong các NHTM của Nhà nước.

Thứ tám, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng. Phát triển và hoàn thiện sản phẩm dịch vụ là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của mỗi ngân hàng, bởi nó sẽ

làm đa dạng hơn danh mục sản phẩm kinh doanh, nâng cao tiện ích các sản phẩm dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng hiện đại dựa trên công nghệ kỹ thuật tiên tiến. Trên cơ sở đó giúp các ngân hàng thỏa mãn được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, từ đó tăng khả năng cạnh tranh, tăng vị thế, uy tín và hình ảnh của ngân hàng trên thị trường.

Thông thường, một sản phẩm dịch vụ ngân hàng được coi là hoàn thiện nếu nó đáp ứng được tốt nhất, nhiều nhất nhu cầu mong muốn của khách hàng. Khi đánh giá mức độ hoàn thiện của một sản phẩm dịch vụ ngân hàng, khách hàng thường dựa vào các tiêu chí như: điều kiện và thủ tục thực hiện dịch vụ đơn giản hay phức tạp, tốc độ xử lý nhanh hay chậm, mức độ an toàn, chính xác cao hay thấp, thái độ phục vụ của nhân viên ngân hàng như thế nào, chi phí và lợi ích khách hàng đạt được ra sao... Về phía ngân hàng, một sản phẩm ngân hàng hoàn thiện trước hết phải là những sản phẩm dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, có sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của đối thủ trong cạnh tranh, tiếp đó là phải đem lại lợi ích cho chính ngân hàng. Điều này đặt ra cho các nhà kinh doanh ngân hàng khi hoàn thiện, phát triển các dịch vụ cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Làm cho việc sử dụng sản phẩm dịch vụ ngân hàng

ngày càng trở nên dễ dàng hơn, thuận tiện hơn, hấp dẫn hơn và đem lại cho khách hàng những giá trị và tiện ích mới bằng cách hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, đơn giản thủ tục và điều kiện sử dụng sản phẩm dịch vụ.

- Tăng cường hướng dẫn khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ và thông tin kịp thời cho khách hàng về những sản phẩm mới, những đổi mới của sản phẩm dịch vụ, nhất là những đổi mới có lợi cho khách hàng.

- Bổ sung những tính năng mới, thực chất là tăng giá trị sử dụng của sản phẩm dịch vụ. Thay vì một sản phẩm dịch vụ chỉ đáp ứng được một nhu cầu, nay một sản phẩm dịch vụ ngân hàng có thể đáp ứng được nhiều nhu cầu cho khách hàng. Đây là cách thức hoàn thiện sản phẩm được các ngân hàng quốc tế sử dụng phổ biến hiện nay.

- Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử nhằm phục vụ cho khách hàng 24/24, từ đó giảm được việc phát triển thêm các chi nhánh, tiết kiệm chi phí trong việc xây dựng trụ sở, lãng phí trong sử dụng lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Thứ chín, nâng cao chất lượng quản trị kinh doanh ngân hàng. Trong thời gian tới, mỗi ngân hàng cần xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chiến lược kinh doanh, chú trọng hoạt động marketing và mở

rộng quy mô hoạt động. Phát triển công nghệ ngân hàng, nhất là trong các lĩnh vực thông tin quản lý và hệ thống thanh toán. Cải cách bộ máy quản lý và điều hành theo tư duy kinh doanh mới. Xây dựng các quy chế quản lý và hoạt động phù hợp với chuẩn mực quốc tế như quản trị rủi ro, quản trị tài sản nợ, tài sản có, quản trị vốn, kiểm tra kiểm toán nội bộ, xây dựng hệ thống kế toán và thiết lập các báo cáo tài chính phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các chỉ tiêu đánh giá mức độ an toàn và hiệu quả kinh doanh ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Thứ mười, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngân hàng. Chương trình đào tạo cần bảo đảm tính khoa học, thực tiễn nhằm nâng cao kỹ năng quản lý và nghiệp vụ ngân hàng hiện đại. Trước mắt cần tập trung vào các lĩnh vực: quản trị điều hành ngân hàng, thẩm định cho vay, quản trị rủi ro tín dụng, kiểm tra, kiểm soát tín dụng, kế toán, kiểm toán ngân hàng theo hệ thống kế toán quốc tế. Tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế nhất là những cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng quốc tế, cán bộ thanh tra, giám sát và cán bộ chuyên trách làm công tác pháp luật quốc tế, cán bộ sử

dụng và vận hành công nghệ mới.

Bên cạnh những giải pháp nêu trên, tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô; hoàn thiện các công cụ của chính sách tiền tệ; hoàn thiện và phát triển thị trường tài chính; cơ chế liên kết và phối hợp giữa các NHTM, phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ,... cũng là những giải pháp vô cùng quan trọng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các NHTM Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

1. Đề án cơ cấu lại các NHTMNN.
2. Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Viện nghiên cứu khoa học ngân hàng & Vụ chiến lược phát triển ngân hàng, Ngân hàng Công thương Việt Nam, "Những thách thức của NHTM Việt Nam trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế" - tài liệu hội thảo, Hà Nội tháng 9/2003.
3. Vietnam, statistical Appendix and Background Notes, IMF Staff Country report No 00/116, August 2000.
4. Huỳnh Thế Du, Cải cách hệ thống ngân hàng Việt Nam: Nghiên cứu so sánh với Trung Quốc.
5. <http://www.gic.com.vn> (theo Kinh tế và Đô thị)
6. Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN